

Vietnam Daily Review

Tiếp tục đà giảm điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/6/2022	•		
Tuần 13/6-17/6/2022	•		
Tháng 6/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index đi xuống ngay khi mở cửa phiên, chứng lại vào cuối phiên sáng và tiếp diễn đà giảm trong phiên chiều. Chỉ số thậm chí đã chọc thủng ngưỡng 1200, tuy nhiên sau đó dòng tiền đã xuất hiện và giúp chỉ số thu hẹp đà giảm. Kết phiên, Vn-Index đóng cửa ở ngưỡng hỗ trợ 1210, giảm hơn 16 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/19 ngành giảm điểm. Nhà đầu tư cần theo dõi quyết định nâng lãi suất của FED được công bố vào tối nay. Tốc độ tăng lãi suất hơn mức dự kiến trước đây là 0.5% được coi là tín tiêu cực với thị trường.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư giao dịch thận trọng và ngắn hạn trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-16.38** điểm, đóng cửa **1213.93** điểm. HNX-Index **-6.83** điểm, đóng cửa **283.25** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MWG (+0.81)**, **SSB (+0.44)**, **VGC(+0.33)**, **FPT (+0.33)**, **SAB (+0.33)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-1.62)**, **HPG (-1.00)**, **GAS (-0.97)**, **CTG (-0.90)**, **VNM (-0.84)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 14.784 tỷ đồng, tăng **12.49%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16.467 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 40.37 điểm. Thị trường có **93** mã tăng, 34 mã tham chiếu và **373** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-182.17 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm **DGC (-88.85 tỷ)**, **VNM (-78.79 tỷ)**, **VND (-75.23 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-10.67 tỷ** đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1213.93**

Giá trị: 14783.72 tỷ

-16.38 (-1.33%)

Khối ngoại (ròng): -182.17 tỷ

HNX-INDEX **283.25**

Giá trị: 1412.22 tỷ

-6.83 (-2.35%)

Khối ngoại (ròng): -10.67 tỷ

UPCOM-INDEX **88.65**

Giá trị: 1.2 tỷ

-1.97 (-2.17%)

Khối ngoại(ròng): 19.87 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	117.2	-1.44%
Giá vàng	1,823	0.82%
Tỷ giá USD/VND	23,200	-0.06%
Tỷ giá EUR/VND	24,332	0.30%
Tỷ giá JPY/VND	17,238	-0.28%
LS liên NH 1 tháng	2.3%	0.52%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHC	37.0	DGC	-88.8
VGC	33.2	VNM	-78.8
HPG	31.4	VND	-75.2
NLG	30.5	VIC	-53.6
DGW	25.9	MSN	-32.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 15/06

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	119.00	-1.54%	-0.34%	6.42%	65.60%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	120.81	-1.06%	0.20%	7.76%	63.28%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	4.00	-0.93%	-3.85%	4.10%	84.19%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1808.46	-0.57%	-2.35%	-0.84%	-2.70%	PNJ	
Bạc	USD/ounce	21.04	-0.07%	-5.27%	-2.61%	-23.88%	PNJ	
Đậu tương	UScent/bushel	1698.50	-0.53%	-1.72%	2.54%	15.88%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1050.25	-1.94%	-2.01%	-15.81%	58.77%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.31	0.04%	-0.49%	-2.72%	40.93%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	253.90	-0.90%	-2.12%	5.13%	2.42%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	666.75	1.06%	-0.19%	4.26%	82.42%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	16.56	1.07%	-2.27%	-7.12%	34.48%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	226.95	1.61%	-2.24%	1.54%	50.10%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	4.14	-1.89%	-6.89%	-1.13%	-4.55%	HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	4660.00	1.30%	1.30%	-7.72%	-4.04%		
Nhôm	USD/ton	2562.00	-2.51%	-7.79%	-9.53%	4.33%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	137.50	-2.83%	-5.17%	8.27%	-37.78%		HPG
Than đá	USD/ton	383.00	-1.88%	-4.96%	-4.84%	206.40%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ tăng 0.04% lên 119.03 USD/thùng sáng ngày 15/6. Giá dầu thô Brent giao tháng 8 cũng tăng nhẹ 0.05% lên 121.13 USD/thùng.
- Giá dầu giảm trong phiên giao dịch ngày 14/6, vì lo ngại Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có thể khiến thị trường bất ngờ bằng việc nâng lãi suất cao hơn dự kiến.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay tăng 0.14% lên 1. 810.9 USD/ounce vào sáng 15/6, theo kitco. Trong khi giá vàng giao tháng 8 giảm 0.14% xuống 1,811 USD.
- Giá vàng giảm nhẹ trong phiên giao dịch ngày 14/6, vì đồng USD phục hồi đà tăng và lên cao nhất trong 20 năm.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su kỳ hạn giao tháng 6/2022 ghi nhận mức 252.7 yen/kg, giảm 0.47% (tương đương 1.2 yen/kg).
- Trên Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 7/2022 được điều chỉnh lên mức 12,615 nhân dân tệ/tấn, tăng 0.12% (tương đương 15 nhân dân tệ) so với giao dịch trước đó.

Giá nông sản

- Giá cà phê trực tuyến robusta tại London giao tháng 7/2022 được ghi nhận tại mức 2,037 USD/tấn sau khi giảm 0.1% (tương đương 2 USD).
- Giá cà phê arabica giao tháng 7/2022 tại New York đạt mức 226.95 US cent/pound, tăng 1.61% (tương đương 3.6 US cent).

Thị trường chứng khoán thế giới

	15/6	% 15/6	14/6	% 14/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1213.93	-1.33%	1230.31	0.27%	-7.19%	3.58%
S&P 500			3735.48	-0.38%	-10.22%	-4.95%
HĐTL S&P500	3757.25	0.45%	3740.25	-0.35%	-8.72%	-6.60%
Shang-hai	3305.41	0.50%	3288.91	1.02%	1.27%	7.17%
Euro Stoxx	3504.75	0.85%	3475.18	-0.78%	-7.50%	-4.90%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	55	15	0.92%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/25/2022	FRT	82.7	104.6	76.3	91.4	21	10.52%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

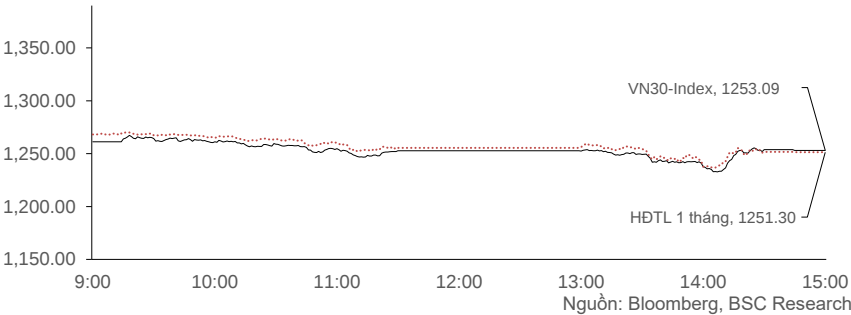
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/8/2022	GVR	27.05	33.5	24	SL	5	-11.28%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/26/2022	DBC	25.3	30.2	22.5	SL	18	-11.07%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
5/4/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
5/3/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
4/28/2022	FPT	105.5	118.9	100	SL	10	-5.21%
4/27/2022	HPG	42.5	47	39.5	SL	12	-7.06%
4/26/2022	REE	73.9	86	69	TP	13	16.37%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ	FS - Đóng vị thế sớm		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	0	5.72%	0.00%	5.72%	18
Cổ phiếu đã chốt	247	218	7.08%	-7.57%	4.18%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2206	1251.30	-1.34%	-1.79	0.9%	356,993	6/16/2022	3
VN30F2207	1238.10	-1.89%	-14.99	106.7%	20,709	7/21/2022	38
VN30F2209	1243.00	-1.36%	-10.09	-44.3%	97	9/15/2022	94
VN30F2212	1249.50	-0.53%	-3.59	79.6%	343	12/15/2022	185

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 8.07 điểm lên 1253.09 điểm. Các cổ phiếu như HPG, VNM, MBB, ACB và SSI đã tác động đến nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư giao dịch thận trọng và ngắn hạn trong phiên.
- Các HDTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, có sự cân bằng khi các HĐ VN30F2206 và VN30F2212 tăng, các HĐ VN30F2205 và VN30F2209 giảm so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở cũng có sự cân bằng khi các HĐ VN30F2209 và VN30F2212 tăng, các HĐ VN30F2205 và VN30F2206 giảm so với phiên trước đó. Phiên giảm điểm mạnh hôm nay nhưng xuất hiện lực hồi vào cuối phiên giao dịch khi thị trường đang trong tâm lý chờ đợi quyết định thay đổi lãi suất của FED.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2202	8/1/2022	47	5.96:1	488,200	31.96%	4,000	2,460	20.00%	1,126	2.18	156,283	145,000	147,700
CMWG2201	9/20/2022	97	9.93:1	82,500	31.96%	2,600	2,450	7.93%	1,602	1.53	156,184	134,500	147,700
CFPT2201	9/20/2022	97	6.6:1	561,800	31.96%	2,100	1,770	7.27%	1,087	1.63	98,394	106,000	90,500
CPNJ2201	9/20/2022	97	8:1	129,800	40.05%	2,300	3,390	6.27%	2,930	1.16	121,020	95,500	118,000
CFPT2108	7/6/2022	21	4.95:1	458,900	31.96%	3,280	1,500	4.90%	685	2.19	95,269	106,835	90,500
CMWG2204	10/7/2022	114	9.93:1	443,000	31.96%	3,000	1,630	3.16%	1,109	1.47	159,761	45,000	147,700
CVIC2204	8/22/2022	68	16:1	91,700	24.97%	1,000	410	2.50%	77	5.36	89,733	83,333	76,700
CFPT2202	6/24/2022	9	8.25:1	119,500	31.96%	1,700	1,850	1.65%	1,837	1.01	89,066	89,700	90,500
CVPB2203	7/15/2022	30	16:1	12,300	36.85%	1,000	440	0.00%	80	5.53	35,928	28,888	28,850
CMWG2203	9/26/2022	103	6.95:1	22,900	31.96%	1,990	1,940	-0.51%	1,293	1.50	160,605	148,000	147,700
CVPB2204	11/15/2022	153	16:1	600	36.85%	1,000	730	-1.35%	134	5.46	42,728	30,888	28,850
CVIC2202	8/15/2022	61	16:1	166,600	24.97%	1,100	390	-2.50%	83	4.71	88,622	82,222	76,700
CNVL2202	8/15/2022	61	16:1	207,300	24.50%	1,000	350	-2.78%	120	2.91	85,759	79,999	76,400
CVRE2207	10/20/2022	127	8:1	324,100	38.62%	1,000	340	-2.86%	171	1.99	36,133	33,333	28,900
CVHM2208	7/11/2022	26	8:1	25,200	26.43%	1,200	1,170	-6.40%	454	2.58	79,000	6,900	65,900
CNVL2204	9/20/2022	97	16:1	84,000	24.50%	1,000	380	-7.32%	73	5.19	92,559	85,999	76,400
CPOW2202	11/15/2022	153	5:1	1,236,300	51.23%	1,000	470	-9.62%	233	2.02	20,599	17,999	14,500
CHDB2205	10/20/2022	127	5:1	10,400	38.86%	1,000	600	-15.49%	317	1.89	30,661	27,111	24,500
CPOW2203	9/5/2022	82	2:1	814,000	51.23%	1,600	1,050	-16.00%	665	1.58	18,200	15,700	14,500
CPOW2201	7/15/2022	30	5:1	446,600	51.23%	1,000	180	-18.18%	84	2.14	17,766	16,666	14,500
Tổng				5,237,500	33.93%**								
Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất							CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%							Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
	**Trung bình độ lệch chuẩn							*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 15/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CKDH2201 và CACB2102 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 100.00% và 96.08%. Giá trị giao dịch giảm 15.86%, CHDB2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 18.95% thị trường.
- CTCB2204, CVNM2206, CVHM2203 và CHPG2207 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPOW2202, CHDB2201, CNVL2202 và CNVL2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2203, CPNJ2201 và CFPT2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	147.7	2.9%	0.7	4,700	16.3	7,030	21.0	4.8	49.0%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	118.0	1.7%	0.7	1,243	6.6	5,443	21.7	3.6	49.0%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	51.4	0.0%	1.4	1,659	2.5	2,529	20.3	1.8	26.3%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	50.5	3.9%	0.6	514	0.3	3,644	13.9	1.5	58.4%	11.1%
VIC	Bất động sản	76.7	0.1%	0.5	12,719	6.8	(578) #N/A	N/A	2.8	12.4%	-2.4%
VRE	Bất động sản	28.9	-0.9%	1.1	2,855	3.1	401	72.1	2.1	31.1%	3.0%
VHM	Bất động sản	65.9	-0.2%	0.8	12,476	10.0	8,786	7.5	2.2	23.4%	34.5%
DXG	Bất động sản	21.0	-6.9%	1.5	553	8.2	1,503	13.9	1.4	30.6%	11.3%
SSI	Chứng khoán	22.7	-7.0%	1.6	978	19.6	3,023	7.5	1.5	34.3%	22.6%
VCI	Chứng khoán	32.2	-5.8%	1.0	469	7.3	4,884	6.6	1.5	18.7%	26.9%
HCM	Chứng khoán	18.5	-6.8%	1.6	367	4.7	2,619	7.0	1.1	42.5%	17.9%
FPT	Công nghệ	90.5	1.6%	1.0	4,317	6.9	4,293	21.1	5.1	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	69.0	0.0%	0.4	985	0.0	4,926	14.0	3.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	124.0	-1.6%	1.0	10,319	12.0	5,109	24.3	4.4	2.8%	19.2%
PLX	Dầu khí	41.0	-4.9%	1.5	2,265	1.7	1,950	21.0	2.0	17.2%	9.9%
PVS	Dầu khí	29.7	-0.7%	1.6	617	11.3	1,408	21.1	1.2	8.8%	5.5%
BSR	Dầu khí	31.3	-1.9%	0.8	4,219	30.5	2,108	14.8	2.6	41.1%	19.1%
DHG	Dược	90.0	-0.6%	0.3	512	0.0	6,105	14.7	3.3	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	61.5	1.8%	1.2	1,046	12.0	12,920	4.8	2.0	16.3%	50.2%
DCM	Hóa chất	40.7	4.9%	1.2	937	10.8	5,643	7.2	2.4	10.5%	38.9%
VCB	Ngân hàng	76.5	-0.6%	0.8	15,741	4.2	4,855	15.8	3.1	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	32.0	-0.9%	1.2	7,038	1.9	2,266	14.1	1.9	16.8%	13.8%
CTG	Ngân hàng	24.5	-3.0%	1.5	5,119	3.4	2,558	9.6	1.2	26.2%	13.0%
VPB	Ngân hàng	28.9	0.0%	1.2	5,576	16.2	3,874	7.4	1.5	17.4%	24.0%
MBB	Ngân hàng	24.9	-2.4%	1.3	4,090	16.7	3,623	6.9	1.5	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	23.6	-2.1%	1.1	3,466	3.7	3,081	7.7	1.7	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	52.8	-3.3%	0.7	188	0.2	3,150	16.8	1.8	85.8%	10.7%
NTP	Nhựa	40.0	-2.4%	0.5	205	0.2	3,990	10.0	1.6	17.7%	16.9%
MSR	Tài nguyên	19.2	-1.0%	1.5	918	0.2	178	107.9	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	29.4	-3.0%	1.1	5,718	36.9	7,443	3.9	1.3	20.8%	40.4%
HSG	Thép	17.5	-6.9%	1.5	374	8.9	7,157	2.4	0.7	7.3%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	64.5	-2.4%	0.6	5,861	7.6	4,390	14.7	4.2	54.4%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	152.0	1.3%	0.8	4,238	0.8	5,969	25.5	4.6	62.6%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	106.0	-0.3%	1.0	6,562	4.6	7,041	15.1	5.5	28.9%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	15.9	-2.2%	1.6	434	1.4	1,144	13.9	1.2	8.2%	8.3%
ACV	Vận tải	80.8	0.4%	0.8	7,648	0.0	363	222.7	4.7	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	124.5	-0.2%	1.1	2,932	3.7	361	344.4	3.9	16.9%	1.2%
HVN	Vận tải	16.2	-5.6%	1.7	1,555	1.2	(5,210) #N/A	N/A #N/A	N/A	6.0%	#VALUE!
GMD	Vận tải	52.5	-1.1%	1.0	688	4.8	2,256	23.3	2.4	44.6%	10.8%
PVT	Vận tải	20.4	-3.1%	1.4	286	2.5	2,088	9.7	1.2	11.8%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	75.0	-3.0%	0.8	522	0.5	10,540	7.1	2.3	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	52.7	5.5%	0.8	1,027	5.5	3,677	14.3	3.0	4.5%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.2	-5.3%	1.1	252	1.0	783	19.4	1.1	1.9%	5.6%
CTD	Xây dựng	55.0	-1.6%	1.3	177	1.0	(27) #N/A	N/A	0.5	47.1%	0.0%
CII	Xây dựng	17.5	-4.9%	1.3	192	3.7	1,266	13.8	0.8	10.2%	6.1%
REE	Điện	90.8	0.3%	-1.4	1,403	4.5	5,994	15.1	2.4	56.1%	16.7%
PC1	Điện	41.2	2.0%	-0.4	421	5.0	3,238	12.7	2.0	5.0%	16.9%
POW	Điện	14.5	-4.9%	0.6	1,476	15.9	859	16.9	1.2	2.2%	6.9%
NT2	Điện	27.8	-3.1%	0.7	348	3.0	1,933	14.4	1.8	14.0%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	42.9	-0.2%	1.5	1,074	7.8	1,154	37.2	1.7	18.5%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	67.1	-1%	0.9	3,020	0.6	1,190	56.4	4.2	2.6%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MWG	147.70	2.93	0.79	2.56MLN
SSB	34.00	3.03	0.43	2.53MLN
SAB	152.00	1.33	0.33	116800
FPT	90.50	1.57	0.33	1.76MLN
VGC	52.70	5.51	0.32	2.46MLN

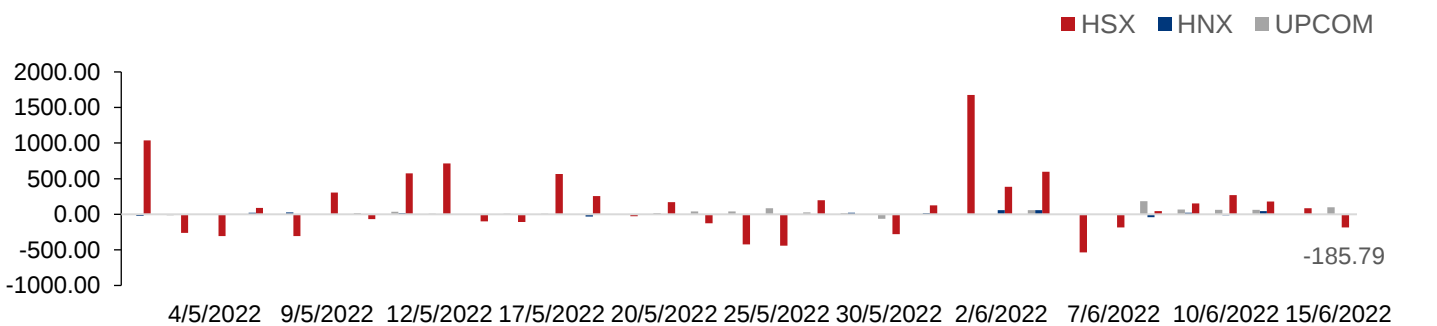
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GVR	-0.01	-1.75	2.01MLN	1.11MLN
HPG	0.00	-1.03	28.70MLN	607060
GAS	0.00	-0.98	2.22MLN	373600
CTG	0.00	-0.93	3.21MLN	192700
VNM	0.00	-0.86	2.68MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ANV	58.40	6.96	0.12	1.93MLN
HOT	31.90	6.87	0.00	100
EMC	25.00	6.84	0.01	9400
DAT	14.95	6.79	0.01	5900
SPM	19.90	6.70	0.00	7700

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AMD	2.79	-7.00	-0.01	2.87MLN
KSB	27.90	-7.00	-0.04	2.30MLN
NHA	23.25	-7.00	-0.02	167200.00
DRH	9.04	-7.00	-0.02	1.99MLN
NHT	24.60	-6.99	-0.01	16400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	82.5	4,228	19.5	5.5	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	118.0	5,443	21.7	3.6	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.5	1,701	7.9	0.6	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	27.8	1,933	14.4	1.8	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	74.7	10,029	7.4	1.4	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	91.4	4,874	18.8	5.9	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	41.2	3,238	12.7	2.0	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	13.4	-129	#N/A N/A	0.7	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	90.5	4,293	21.1	5.1	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	28.4	2,466	11.5	1.8	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	19.3	9,632	2.0	0.8	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	14.5	859	16.9	1.2	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	118.0	5,443	21.7	3.6	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	147.7	7,030	21.0	4.8	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	20.4	2,088	9.7	1.2	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	126.0	8,710	14.5	6.4	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	29.4	7,443	3.9	1.3	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	42.9	1,154	37.2	1.7	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	24.0	5,084	4.7	1.5	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	21.0	1,503	13.9	1.4	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	123.8	8,596	14.4	5.5	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	58.4	2,136	27.3	2.9	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	29.2	2,701	10.8	2.0	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	100.0	8,331	12.0	2.9	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	30.3	1,941	15.6	1.4	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	50.5	3,644	13.9	1.5	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	29.7	1,408	21.1	1.2	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	124.0	5,109	24.3	4.4	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	19.0	3,141	6.0	1.2	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	55.0	-27	#N/A N/A	0.5	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	13.5	1,701	7.9	0.6	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	10.5	1,350	7.7	0.5	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	10.5	1,350	7.7	0.5	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	11.1	2,433	4.6	0.9	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	118.0	5,443	21.7	3.6	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	118.0	5,443	21.7	3.6	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	147.7	7,030	21.0	4.8	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	48.7	2,762	17.6	3.4	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	38.6	1,900	20.3	1.7	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	31.3	2,108	14.8	2.6	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	15.7	1,034	15.1	0.9	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	100.0	8,331	12.0	2.9	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	41.4	2,916	14.2	2.2	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	12.3	689	17.8	0.9	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	20.5	2,054	10.0	1.0	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	45.8	3661.8	12.5	1.8	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	27.8	1,933	14.4	1.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
5	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
6	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
7	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
10	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
13	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
14	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
15	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
16	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
19	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
22	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
25	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
28	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
31	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
33	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
35	Banking Sector Outlook		x	Click
36	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
38	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
39	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
40	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
41	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
43	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
44	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639